

THỜI KHOÁ BIỂU

BUỔI CHIỀU

Thực hiện từ ngày 6 tháng 9 năm 2024

THỨ	TIẾT	7B1 (Huế)	7B2 (N.Thảo)	7B3 (Thanh)	7B4 (Tĩnh)	7B5 (Ngọc)	6A1 (T.Dương)	6A2 (N.Thảo)	6A3 (Thanh)	6A4 (Tĩnh)
2	1	Toán - Cường	Văn – N.Thảo	Toán – Thanh	Tin học -Minh	Văn – Ngọc	Tiếng Anh - Huế	T.Anh - Hương	Toán – Yến	T.Anh - A.Dương
	2	GDCD - Uyên	Toán – Cường	Văn – N.Thảo	KHTN (Lý) - Thanh	GDTC – H.Huệ	KHTN(Lý) – Luyến	Toán – Nguyệt	N.Văn – Ngọc	N.Văn – Bảy
	3	Tiếng Anh - Huế	Toán - Cường	GDTC – H.Huệ	T.Anh - A.Dương	Toán -Thu	Sử - N.Thảo	KHTN(Lý) – Luyến	KHTN (Sinh)– Hải	N.Văn – Bảy
	4	KHTN(Lý) - Thanh	Tin học - Yến	NT - Thùy	Toán - Tĩnh	Tin học -Minh	GDTC - H.Huệ	KHTN (Sinh)– Hải	T. Anh - A.Dương	NT – P.Vân
	5	HĐTN,HN – Cường	HĐTN,HN – Minh	HĐTN, HN - Thanh	HĐTN,HN – C. Lan	HĐTN,HN –P.Vân	HĐTN,HN – T.Dương	HĐTN,HN – Nguyệt	HĐTN,HN - Luyến	HĐTN,HN – A.Dương
3	1	Địa - T.Vân	Toán – Cường	Văn – N.Thảo	Toán - Tĩnh	Toán - Thu	Tiếng Anh - Huế	T.Anh - Hương	Toán – Yến	KHTN (Sinh) – Hải
	2	Văn – P.Lan	Địa - T.Vân	Văn – N.Thảo	GDĐP –Hải	KHTN (Lý) - Thanh	N.Văn – P.Thảo	Tin học -Minh	GDTC - H.Huệ	T.Anh - A.Dương
	3	Văn - P.Lan	Tiếng Anh - Hương	Toán – Thanh	GDTC – H.Huệ	KHTN (Hóa)- Hải	Toán – T.Dương	Văn – P.Thảo	T.Anh - A.Dương	KHTN(Lý) – Luyến
	4	KHTN(Sinh) – Lương	Văn – N.Thảo	KHTN(Lý) - Thanh	KHTN (Hóa)- Hải	T.Anh - A.Dương	KHTN (Hóa) – Ly	Văn – P.Thảo	GDCD – P.Lan	GDTC - H.Huệ
	5	NT – Thùy	GDTC – H.Huệ	GDĐP –Hải	Địa – T.Vân	KHTN(Sinh) – Lương	HĐTN,HN – T.Dương	GDĐP – A.Dương	HĐTN,HN – Luyến	Sử - Bảy
4	1	HĐTN,HN – Cường	KHTN (Hóa)- Hoa	T. Anh -A.Dương	Toán – Tĩnh	KHTN (Hóa)- Hải	Toán – T.Dương	Văn – P.Thảo	CNghệ - Nguyệt	KHTN (Hóa) – Ly
	2	Văn - P.Lan	KHTN (Hóa)- Hoa	Toán - Thanh	Văn – Uyên	T.Anh - A.Dương	N.Văn - P.Thảo	GDTC - H.Huệ	Văn – Ngọc	Toán – Tuyển
	3	GDTC – H.Huệ	GDĐP –Hải	HĐTN,HN – Thanh	Văn – Uyên	Địa – T.Vân	NT– Tuấn	Địa – Hậu	Văn – Ngọc	CNghệ - Nguyệt
	4	KHTN(Hóa)–Ly	GDTC – H.Huệ	Địa – T.Vân	T.Anh - A.Dương	NT - Tuấn	KHTN (Sinh) – Hải	HĐTN,HN – Nguyệt	Địa – Hậu	GDĐP – P.Lan
	5	Địa - T.Vân	NT – Thùy	GDTC – H.Huệ	HĐTN,HN – C. Lan	Sử - Ngọc	CNghệ - Nguyệt	NT– Tuấn	KHTN (Hóa) – Ly	KHTN (Sinh)– Hải
5	1	Tiếng Anh - Huế	Tiếng Anh - Hương	Tiếng Anh -A.Dương	Văn – Uyên	Toán - Thu	Toán – T.Dương	Văn – P.Thảo	KHTN (Sinh)– Hải	GDCD – P.Lan
	2	Toán - Cường	Văn – N.Thảo	Sử - Đ.Huệ	GDTC – H.Huệ	Toán - Thu	KHTN (Sinh)– Hải	KHTN (Hóa) – Ly	ẨN – P.Vân	HĐTN,HN – A.Dương
	3	Toán - Cường	Văn – N.Thảo	KHTN (Hóa)- Hải	T.Anh - A.Dương	CNghệ - Thắm	GDTC - H.Huệ	ẨN – P.Vân	Toán – Yến	Toán – Tuyển
	4	KHTN(Hóa)–Ly	NT - Tuấn	CNghệ - Thắm	NT – Thùy	HĐTN,HN – P.Vân	GDĐP – C.Lan	Toán – Nguyệt	T. Anh - A.Dương	GDTC - H.Huệ
	5									
6	1	Toán - Cường	CNghệ - Thắm	GDCD – Uyên	KHTN (Hóa)- Hải	T.Anh - A.Dương	N.Văn - P.Thảo	Toán – Nguyệt	KHTN(Lý) – Luyến	Toán – Tuyển
	2	HĐTN,HN – Cường	GDCD – Uyên	T. Anh -A.Dương	Địa – T.Vân	Văn – Ngọc	N.Văn - P.Thảo	KHTN (Sinh)– Hải	GDĐP – P.Lan	Toán – Tuyển
	3	Văn - P.Lan	Địa - T.Vân	Tin học - Quân	CNghệ - Thắm	GDĐP –Hải	Tin học -Minh	Sử - N.Thảo	HĐTN,HN – Luyến	Sử - Bảy
	4	CNghệ - Thắm	Toán - Cường	KHTN (Hóa)- Hải	Sử - Ngọc	Địa – T.Vân	NT– P.Vân	GDCD – P.Lan	Tin học -Minh	HĐTN,HN – A.Dương
	5	GDĐP –Hải	HĐTN,HN – Minh	Địa - T.Vân	HĐTN,HN – C. Lan	HĐTN,HN – P.Vân	GDCD – P.Lan	CNghệ - Nguyệt	Sử - Bảy	T. Anh - A.Dương
7	1	Tiếng Anh - Huế	Tiếng Anh - Hương	Toán – Thanh	NT - Tuấn	NT – Thùy	Toán – T.Dương	Toán – Nguyệt	Văn – Ngọc	N.Văn – Bảy
	2	NT– Tuấn	Sử - Đ.Huệ	Văn – N.Thảo	Toán – Tĩnh	GDTC – H.Huệ	Tiếng Anh - Huế	T.Anh - Hương	Toán – Yến	N.Văn – Bảy
	3	Tin học – Yến	KHTN(Sinh) – Lương	HĐTN,HN – Thanh	GDCD – Uyên	Văn – Ngọc	Sử - N.Thảo	GDTC - H.Huệ	NT- Tuấn	Tin học -Minh
	4	Sử - Đ.Huệ	KHTN(Lý) - Thanh	KHTN(Sinh) – Lương	Văn – Uyên	Văn – Ngọc	Địa – Hậu	Sử - N.Thảo	GDTC - H.Huệ	NT - Tuấn
	5	GDTC – H.Huệ	HĐTN,HN – Minh	NT – Tuấn	KHTN(Sinh) – Lương	GDCD – Uyên	HĐTN,HN – T.Dương	HĐTN,HN – Nguyệt	Sử - Bảy	Địa – Hậu